

Số: 1357/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc xác lập vị trí, ranh giới và diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên  
đất ngập nước Tiền Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính  
phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chính  
phủ và Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội  
về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ  
Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều  
31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về  
bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước;

Căn cứ Thông báo số 928-TB/TU ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tỉnh ủy  
Thái Bình thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xác lập vị trí,  
ranh giới và diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải;

Căn cứ kết quả cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và kết quả cuộc  
họp Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 27 tháng 5 năm 2024;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Ủy ban nhân  
dân tỉnh của Hội đồng thẩm định kết quả nhiệm vụ "Điều tra, đánh giá thực  
trạng đa dạng sinh học và xác định vị trí địa lý, diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên  
đất ngập nước Tiền Hải";

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 220/TTr-  
STNMT ngày 04 tháng 5 năm 2024, Báo cáo số 128/BC-STNMT ngày 11 tháng 6  
năm 2024, Báo cáo số 157/BC-STNMT ngày 28 tháng 6 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xác lập vị trí, ranh giới và diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên đất  
ngập nước Tiền Hải, tỉnh Thái Bình với những nội dung chính sau:

## 1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải.
- Tên tiếng Anh: Tien Hai Wetland Protected Area (TWPA).

## 2. Phân hạng, phân loại và phân cấp Khu bảo tồn:

a. Phân hạng bảo tồn: Khu Dự trữ thiên nhiên trong hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam.

b. Phân loại: Đất ngập nước.

c. Phân cấp quản lý: Cấp tỉnh.

## 3. Vị trí, ranh giới và diện tích Khu bảo tồn:

## a. Vị trí:

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải có vị trí nằm ở vùng ngoài đê số 5, số 6 của huyện Tiền Hải; phía Bắc giáp với vùng cửa Trà Lý và quy hoạch khu đô thị dịch vụ Cồn Vành - Cồn Thù; phía Nam giáp cửa Ba Lạt và quy hoạch khu đô thị dịch vụ Cồn Vành - Cồn Thù; phía Tây giáp với khu quy hoạch nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, quy hoạch khu đô thị dịch vụ Cồn Vành - Cồn Thù, khu lấn biển và khu quy hoạch phố biển Đông Châu; phía Đông giáp với biển Đông.

## b. Ranh giới:

Ranh giới Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải được xác định bằng 33 điểm tọa độ từ P1 đến P33 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

## c. Diện tích:

Tổng diện tích Khu bảo tồn là: 12.500 ha, trong đó gồm:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 2.726 ha (*Chi tiết tại bản đồ kèm theo*);
- Phân khu phục hồi sinh thái: 9.774 ha (*Chi tiết tại bản đồ kèm theo*).

(*Các hoạt động dịch vụ - hành chính được triển khai thực hiện tại Phân khu dịch vụ - hành chính thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy được thành lập theo Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình*).

## 4. Mục tiêu:

## a. Mục tiêu chung:

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải có mục tiêu bảo tồn hệ sinh thái vùng đất ngập nước ven biển Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; bảo tồn loài - sinh cảnh, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt bảo vệ khu vực di trú của các loài chim nước; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên với phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội theo nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững; bảo đảm tính kết nối với các sinh cảnh liên kết.

## b. Mục tiêu cụ thể:

- Bảo tồn loài - sinh cảnh, bảo vệ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển, đặc biệt hệ sinh thái rừng ngập mặn và môi trường sống các loài chim nước di cư, trú đông thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

- Sử dụng và phát triển bền vững dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình;

- Góp phần duy trì sự cân bằng sinh thái ở vùng đất ngập nước ven biển, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững, thích ứng và giảm nhẹ ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

#### 5. Nhiệm vụ Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải:

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải có chức năng, nhiệm vụ chính sau đây:

- Bảo đảm môi trường sống cho các loài sinh vật trong khu vực và sử dụng khôn khéo các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước ven biển tại địa phương;

- Tăng cường tính kết nối với các sinh cảnh liên kết trong khu vực đồng bằng sông Hồng nhằm bảo tồn và sử dụng hợp lý các giá trị của hệ sinh thái đất ngập nước trong vùng;

- Phục hồi và phát triển các quần thể thủy sản có giá trị kinh tế, gia tăng trữ lượng và khả năng khai thác;

- Gia tăng lợi ích thu được từ các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước của khu dự trữ thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải đối với người dân địa phương;

- Duy trì sự cân bằng sinh thái và gia tăng độ che phủ rừng, bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững, thích ứng và giảm nhẹ ảnh hưởng biến đổi khí hậu;

- Giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và thiên nhiên; phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học; quan trắc và bảo tồn các loài chim di cư trú đông.

#### 6. Cơ chế quản lý tại các phân khu:

##### a. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt:

Các hoạt động trong Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ, cụ thể:

- Không tiến hành các hoạt động: Ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh; điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; cư trú trái phép; lấn chiếm đất ngập nước, chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất; phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên và các hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến khu bảo tồn đất ngập nước;

- Không triển khai các hoạt động làm thay đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước, bao gồm: Thay đổi chế độ thủy văn; gây ô nhiễm môi trường; thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái và biến động thành phần loài;

- Không săn bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã, trừ việc vì mục đích nghiên cứu khoa học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản và xây dựng công trình, nhà ở, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

- Bảo vệ sự phát triển tự nhiên của hệ sinh thái, sinh cảnh tự nhiên của các loài chim nước, chim di cư và bảo tồn các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp,

quý, hiếm; Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài bản địa;

- Được thu thập các mẫu vật của các loài sinh vật theo quy định của pháp luật;
- Được thực hiện các biện pháp phòng, ngừa dịch bệnh, suy thoái hệ sinh thái trong phân khu.

b. Phân khu phục hồi sinh thái:

Các hoạt động trong Phân khu phục hồi sinh thái được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ, cụ thể:

- Không tiến hành các hoạt động: Ngăn cản đường đi của các loài thủy sinh; điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; cư trú trái phép; lấn chiếm đất ngập nước, chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất; phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên và các hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến khu bảo tồn đất ngập nước;

- Không triển khai các hoạt động làm thay đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước, bao gồm: Thay đổi chế độ thủy văn; gây ô nhiễm môi trường; thay đổi cấu trúc của hệ sinh thái và biến động thành phần loài;

- Không chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; xây dựng công trình, nhà ở trái phép; không săn bắt các loài chim nước, chim di cư; bảo vệ các loài thuộc các Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và các loài bản địa;

- Khoanh nuôi tự nhiên phục hồi các loài thủy sinh, trồng và làm giàu hệ sinh thái rừng ngập mặn bằng các loài bản địa; khôi phục hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển và các sinh cảnh thích hợp của các loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật;

- Được thả, nuôi phục hồi các loài sinh vật bản địa; phục hồi và bảo vệ các hệ sinh thái đất ngập nước tự nhiên trong phân khu;

- Được thu thập mẫu vật các loài sinh vật theo quy định của pháp luật;

- Được triển khai hoạt động du lịch sinh thái, giải trí theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa biến đổi đặc tính sinh thái vùng đất ngập nước và phục hồi hệ sinh thái đất ngập nước trong phân khu.

c. Vùng đệm của Khu bảo tồn:

Vùng đệm của Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải là khu vực liền kề, bao quanh ranh giới Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải và được xác định bằng 40 điểm tọa độ từ P1 đến P13, từ P25 đến P33 và từ P36 đến P53; có độ rộng 1.000 m tính từ ranh giới Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải, với diện tích 3.446,5 ha.

Các hoạt động trong Vùng đệm được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Đa dạng sinh học năm 2008; khoản 2 Điều 19 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

7. Tổ chức quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải:



Hoạt động quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải được thực hiện theo Quy chế quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

8. Nguồn tài chính để quản lý, vận hành Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải:

- Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ cho hoạt động của Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách địa phương;

- Huy động từ các đối tác quốc tế, đối tác trong nước thông qua các hoạt động hợp tác cụ thể;

- Các nguồn thu được từ dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước và lợi nhuận từ các hoạt động dịch vụ tại vùng đất ngập nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Trách nhiệm các sở, ban, ngành, địa phương:**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, chỉ đạo trực tiếp Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình về chuyên môn, tổ chức hành chính theo Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình; rà soát hoàn thiện Quy chế quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình theo quy định bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp quản lý chuyên môn về các vấn đề liên quan đến quản lý đa dạng sinh học, môi trường của Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn để triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, phát triển Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên của Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình; kinh phí thường xuyên để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ trong Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan trong Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thực hiện các nhiệm vụ trong Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải theo quy định của pháp luật.

7. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

- Công an tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh trật tự trên cạn, vùng biển và các vùng đất ngập nước trong Khu bảo tồn;

- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh chỉ đạo các Đồn Biên phòng phối hợp với Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan duy trì thực hiện các quy định của pháp luật về biên giới, hải đảo và các quy định khác có liên quan; hỗ trợ Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình công tác tuần tra, kiểm soát, bảo vệ đa dạng sinh học, môi trường và xử lý các vi phạm pháp luật theo thẩm quyền;

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan triển khai xây dựng khu vực phòng thủ quân sự theo quy định của pháp luật.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh tiếp tục tham mưu thực hiện việc điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 814-TB/TU ngày 09/01/2024 và các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án có liên quan bảo đảm tính đồng bộ hài hòa, hợp lý trong phát triển kinh tế và bảo tồn thiên nhiên theo quy định.

9. Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan phối hợp với Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải; đồng thời có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bên liên quan quản lý các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội tại khu vực có tác động, ảnh hưởng đến khu vực Khu bảo tồn.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã tiếp giáp Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải (theo đơn vị hành chính) dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình tổ chức tốt các chương trình: Quản lý bảo vệ môi trường, tài nguyên đất ngập nước; đảm bảo an ninh trật tự, tuyên truyền giáo dục và phát triển cộng đồng, phát triển các mô hình cộng đồng tham gia bảo tồn; khai thác và sử dụng khôn khéo các dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của khu vực.

11. Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình tổ chức quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải theo Quy chế quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

12. Các sở, ban ngành có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp tạo điều kiện hỗ trợ Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình thực hiện tốt các chương trình mục tiêu của Khu Bảo tồn; phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh trong việc tham mưu thực hiện việc điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Thái Bình và các quy hoạch, chương trình, đề án, dự án có liên quan bảo đảm



tính đồng bộ hài hòa, hợp lý trong phát triển kinh tế và bảo tồn thiên nhiên theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn





## PHỤ LỤC 2

**VỊ TRÍ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN ĐẤT NGẬP NƯỚC BIỂN HẢI VÀ CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Ghi chú: Tọa độ các điểm mốc (hệ tọa độ VN2000 múi 3 độ, kinh tuyến trực 105 độ 30 phút)

**I. Vị trí tọa độ các điểm ranh giới của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt**

Số hiệu mốc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
1	2250799.792	613025.834
2	2250877.989	613447.558
3	2249795.701	613931.390
4	2248990.494	614604.019
5	2248631.146	615543.035
6	2248411.544	616854.993
7	2248257.012	617831.628
8	2250575.449	618194.224
26	2244192.892	616872.899
27	2245108.650	617082.323
28	2245503.240	614927.710
29	2246224.971	613232.993
30	2246752.290	612660.416
31	2246797.545	612475.755
32	2248409.876	612561.849
33	2248411.477	613138.205
34	2250337.378	619781.097
35	2243891.137	618630.400

**II. Vị trí tọa độ các điểm ranh giới của phân khu phục hồi sinh thái**

Số hiệu mốc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
8	2250575.449	618194.224
9	2251963.757	618357.647
10	2255265.090	618306.528
11	2256244.699	617891.681
12	2256531.453	616421.876
13	2261559.554	618510.620
14	2261337.892	618878.371
15	2257804.094	618878.371
16	2257804.094	619978.371
17	2261504.094	619978.371



18	2261741.607	623062.115
19	2260956.614	625015.082
20	2240306.646	620772.980
21	2240525.908	617973.551
22	2242766.014	618572.701
23	2243050.201	617510.181
24	2239321.907	616512.716
25	2239356.147	615766.789
26	2244192.892	616872.899
34	2250337.378	619781.097
35	2243891.137	618630.400

### III. Vị trí tọa độ các điểm ranh giới của vùng đệm

Số hiệu mốc	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
1	2250799.792	613025.834
2	2250877.989	613447.558
3	2249795.701	613931.390
4	2248990.494	614604.019
5	2248631.146	615543.035
6	2248411.544	616854.993
7	2248257.012	617831.628
8	2250575.449	618194.224
9	2251963.757	618357.647
10	2255265.090	618306.528
11	2256244.699	617891.681
12	225631.453	616421.876
13	2261559.554	618510.620
25	2239356.147	615766.789
26	2244192.892	616872.899
27	2245108.650	617082.323
28	2245503.240	614927.710
29	2246224.971	613232.993
30	2246752.290	612660.416
31	2246797.545	612475.755
32	2248409.876	612561.849
33	2248411.477	613138.205
36	2240041.717	614864.940
37	2244308.944	615897.826
38	2244539.630	614638.194
39	2245381.347	612645.243
40	2246911.806	611785.136



41	2248403.222	612152.317
42	2250388.480	612400.793
43	225178.369	612444.073
44	2252004.743	614039.224
45	2250330.394	614787.735
46	2249831.393	615204.574
47	2249600.890	615806.904
48	2249397.620	617021.616
49	2252014.693	617356.738
50	2255054.665	617309.666
51	2255559.391	616668.402
52	2256235.368	615020.585
53	2262137.668	617551.492

